

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 02 – 2019

V/v “Tranh chấp của nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sỹ Hùng
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Lô 13, khu tái định cư, đường M, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm: 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 104A, đường N, khóm 2, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đặng Thị H trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, anh, chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Mâu

thuần trọng không thể khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị H xác định chị và anh T có 02 người con là Dương Hiếu Ng, sinh ngày 17/3/2011 và Dương Bảo H1, sinh ngày 08/02/2013, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H xác định chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh T không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn T trình bày ý kiến và xác định quan điểm như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị H chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh và chị H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh và chị H không còn chung sống nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh T xác định anh và chị H có 02 người con là Dương Hiếu Ng, sinh ngày 17/3/2011 và Dương Bảo H1, sinh ngày 08/02/2013, đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp con muốn sống chung với anh thì anh nhận nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T xác định anh và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định anh và chị H không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Dương Văn T không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; anh T hiện cư trú tại thành phố Cà Mau; anh T yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Đặng Thị H và anh Dương Văn T có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị H và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc kết hôn của anh, chị là không thỏa mãn về mặt hình thức, không có giá trị pháp lý.

Thời gian chung sống, chị H và anh T xác định anh, chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh và chị hiện không còn sống chung. Nay chị H yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân, anh T cũng đồng ý.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị H và anh T là có xảy ra, đời sống chung của anh, chị hiện tại không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân của chị H và anh T có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị H và anh T xác định anh, chị có 02 người con chung là Dương Hiếu Ng, sinh ngày 17/3/2011 và Dương Bảo H1, sinh ngày 08/02/2013, đang sống chung với chị H. Chị H và anh T thỏa thuận thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của chị H và anh T là tự nguyện và hợp pháp, phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương Hiếu Ng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T xác định anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh T xác định anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
 - Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
 - Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.
- 1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị H và anh Dương Văn T.
 - 2 - Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T, giao hai cháu Dương Hiếu Ngh, sinh ngày 17/3/2011 và Dương Bảo H1, sinh ngày 08/02/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh Dương Văn T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
 - 3 - Về tài sản chung: Chị H và anh T xác định anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Chị H và anh T xác định anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H phải chịu 300.000đ. Ngày 18 tháng 01 năm 2019, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (biên lai số 0001976) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hân